

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 02/3/2022

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
mua bán và bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Huê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải.

Ông Lê Quang Thanh.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/02, 17/02, 23/2 và ngày 02/3/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán và bồi thường thiệt hại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2022/QĐST-DS, ngày 14/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Tiểu L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 30, khóm 4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh L là: Bà Hồ Lệ Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 30, khóm 4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền ngày 20/5/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh L là: Ông Thái Quang T – Luật sư Văn phòng Luật sư Chính Ngh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Kiều Lê Quốc H, sinh năm 1986.

2. Đoàn Thị K, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Số nhà 214, tổ 19, ấp 01, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh H và chị K là: Ông Phan Văn B, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 01, ấp Tân Ph, xã Tân Thuận Đ, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền ngày 23/3/2021).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP Đ (S).

Trụ sở: Số 25, đường Trần Hưng Đ, Phường Phan Chu Tr, Quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn T là: Ông Vũ Đình K, Chức vụ: Phó tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Vũ Đình K là: Anh Bùi Minh G, Chức vụ: Chuyên viên cao cấp khách hàng cá nhân Chi nhánh An G. Địa chỉ: Số 317, đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ L, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Văn bản uỷ quyền ngày 14/10/2021).

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn M.

Trụ sở: Số 64-68, đường Hai Bà T, Phường Bến Ngh, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hồ H là: Bà Đặng Thị Ngọc H – Chức vụ: Giám đốc điều hành chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn M Đồng Tháp; Địa chỉ: Số 24, ấp An N, xã An B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (văn bản uỷ quyền ngày 16/7/2018).

3. Văn phòng thừa phát lại Đ.

Địa chỉ: Số 02, Quốc lộ 3, Phường Mỹ Ph, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hồ Lệ Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 30, khóm 4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Công ty Bảo Việt Đ.

Địa chỉ: Số 197, đường Hùng V, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/01/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/2/2021, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Tiểu L (có bà Hồ Lệ Th là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Vào tháng 9/2018, anh L thỏa thuận mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, màu bạc, số máy 2NRX 209788, số khung 9F32 H5023126, biển kiểm soát 66A057.16, loại 05 chỗ ngồi, số máy VIOSE do anh Kiều Lê Quốc H đứng tên. Giá bán xe là 476.000.000 đồng.

Giấy phép đăng ký xe do anh H đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G.

Ngày 19/10/2017, anh H và chị K đã làm hợp đồng cho thuê xe với Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh Đ, thời hạn thuê là 84 tháng để chạy taxi mang thương hiệu Mai L.

Việc mua bán chỉ thỏa thuận miệng, đến cuối tháng 9/2018, anh H đồng ý chuyển nhượng lại cho anh L toàn bộ quyền sở hữu và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 082/HĐHTKD, phụ lục hợp đồng ngày 19/10/2017 giữa Công ty Mai L và anh H cùng các quyền và nghĩa vụ để anh Long là chủ sở hữu đối với chiếc xe.

Hai bên thỏa thuận đặt cọc trước 60.000.000 đồng bằng hình thức lập vi bằng tại Văn phòng thừa phát lại Đ.

Đến ngày 10/10/2018, hai bên đến Văn phòng thừa phát lại Đ tiến hành lập vi bằng số 63/2018/VB-TPL.ĐT, người yêu cầu lập vi bằng là anh L, người tham gia là anh H và chị K. Cùng ngày lập vi bằng, anh L giao trước cho anh H, chị K số tiền 30.000.000 đồng.

Kèm theo vi bằng là văn bản thỏa thuận, nội dung cam kết ngày 10/10/2018 trả trước 30.000.000 đồng, 20 ngày sau trả tiếp số tiền 30.000.000 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 25/10/2018 số tiền còn lại là 416.000.000 đồng trả góp hàng tháng nộp vào tài khoản số 9400001450062 của anh H mở tại Ngân hàng TMCP N chi nhánh An G, không quy định ngày trả.

Sau khi trả hết nợ Ngân hàng bên bán có trách nhiệm lấy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tại Ngân hàng để làm thủ tục sang tên cho bên mua.

Đến ngày 01/11/2018, hai bên làm giấy chuyển nhượng quyền sở hữu cùng với các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng cho anh L.

Anh L tiếp tục trả tiền mặt cho anh H gồm các lần như sau:

Ngày 30/10/2018, trả tiền mặt số tiền 10.200.000 đồng.

Ngày 28/11/2018, trả tiền mặt số tiền 9.800.000 đồng.

Ngày 28/12/2018, trả tiền mặt số tiền 9.800.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 29.800.000 đồng, tất cả các lần trả này không làm biên nhận.

Từ ngày 29/01/2018 đến ngày 11/6/2020, anh L chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của anh H mở tại Ngân hàng Đông N chi nhánh An G số tiền 162.453.000 đồng.

Từ ngày 13/7/2020 đến ngày 31/7/2020, mẹ anh L là bà Hồ Lệ Th chuyển tiền cho anh H vào tài khoản của anh H mở tại Ngân hàng Đông N chi nhánh An G số tiền 18.000.000 đồng.

Từ ngày thoả thuận bán xe, anh H và chị K đã nhận của anh L tổng số tiền 270.253.000 đồng.

Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/10/2018, Công ty Mai L đã chuyển khoản trả tiền kinh doanh thuê xe cho anh H sau khi khấu trừ các khoản, chủ sở hữu được chi trả số tiền 9.553.606 đồng. Do hai bên thoả thuận mua bán xe từ tháng 9/2018 nên trong tháng 10/2018 anh L phải được hưởng số tiền này nhưng anh H đã giữ tiền và không giao lại cho anh L.

Ngày 01/3/2019, chiếc xe bị tai nạn, Công ty Bảo hiểm Bảo V đã chuyển khoản cho anh H tiền bồi thường bảo hiểm dân sự số tiền 26.000.000 đồng, số tiền này anh H cũng đang giữ.

Ngày 19/7/2020, Công ty Mai L thông báo bằng miệng là chiếc xe anh H đã lấy lại. Khi anh L tìm hiểu thì mới biết, ngày 14/7/2020, anh H có đơn đề nghị gửi Công ty Mai L cho rằng thanh toán nợ quá hạn theo cam kết ngày 14/11/2019 nên anh H có quyền lấy lại xe và không trả chi phí bồi thường nào.

Về giấy cam kết ngày 14/11/2019 được lập là do năm 2019 trước đó 10 ngày anh L nhiều lần yêu cầu anh H tiếp tục đứng tên mua bảo hiểm xe nhưng anh H không hợp tác, cuối cùng anh H yêu cầu anh L ký cam kết mới đồng ý ký hợp đồng mua bảo hiểm. Theo cam kết, anh H viết sẵn ở nhà và đem lại quán cà phê Hương D và gọi điện thoại cho anh L ký cam kết thì anh H sẽ ký hợp đồng mua bảo hiểm. Khi ký xong cam kết, anh H mang về nhà thêm vào khoảng bỏ trống cam kết để lấy lại xe. Mặc dù, thoả thuận anh L trực tiếp trả tiền theo tin nhắn phát sinh nợ nhưng từ khi thoả thuận mua xe, tiền nợ Ngân hàng do anh H trực tiếp thanh toán, anh L chỉ chuyển khoản tiền cho cá nhân anh H. Việc thanh toán tiền theo hình thức này hai bên không phát sinh tranh chấp từ khi mua xe cho đến tháng 7/2020.

Đến ngày 14/7/2020, anh H viện cớ đề nghị Công ty Mai L huỷ giấy chuyển nhượng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Mai L chi nhánh Đ với anh H, anh H đã lấy lại xe mà không thông báo cho anh L biết.

Anh L đã trả tiền mặt và chuyển tiền qua tài khoản cá nhân của anh H theo đúng thoả thuận, anh L không vi phạm nghĩa vụ trả tiền góp hàng tháng cho anh H.

Hiện nay, anh H chấm dứt hợp đồng và chiếc xe hiện nay anh H đang quản lý và sử dụng. Anh L không đồng ý nhận lại xe và không đồng ý trả số tiền 307.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của anh H và chị K.

Nay anh L yêu cầu anh H và chị K liên đới trả lại số tiền 305.806.000 đồng (bao gồm tiền chuyển trả mua xe số tiền 270.253.000 đồng, tiền thuê xe số tiền 9.553.000 đồng của tháng 10/2018 và tiền Công ty Bảo hiểm bảo V bồi thường tai nạn là 26.000.000 đồng).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Thái Quang T: Thống nhất lời trình bày của bà Th và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn Kiều Lê Quốc H và Đoàn Thị K (có anh Phan Văn B là người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:

Căn cứ vào vi bằng số 63/2018/VB-TPLĐT, ngày 10/10/2018 của Văn phòng thừa phát lại Đ về việc mua bán xe VIOS biển kiểm soát 66A – 057.16. Căn cứ vào vi bằng thì xe hiện vẫn để anh H đứng tên trên giấy tờ và chưa sang tên (do xe đang được thế chấp và không chuyển đổi hợp đồng vay cho anh L) nhưng chiếc xe do anh L quản lý. Trong vi bằng có thoả thuận anh L sẽ đóng tiền cho Ngân hàng theo từng tháng đến khi nào hết hạn vay của xe và lúc đó anh H sẽ sang tên giấy tờ cho anh L.

Căn cứ vào văn bản thoả thuận và cam kết ngày 10/10/2018 tại Văn phòng thừa phát lại Đ về việc thoả thuận bán xe VIOS màu bạc, biển kiểm soát 66A – 057.16, số máy 2NRY209788, số khung 9F32H5023126 giữa anh Hưng, chị K và anh L. Trong đó, có thời gian trả nợ vào ngày 25 hàng tháng cho Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G.

Căn cứ vào bản cam kết trả tiền giữa anh H và anh L về thời gian trả tiền cho ngân hàng. Hiện tại giá trị xe Vios vào khoảng 390.000.000 đồng.

Hiện chiếc xe đang hợp tác kinh doanh với Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ để chạy dịch vụ taxi theo hợp đồng cho thuê xe được lập ngày 19/10/2017 giữa chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ với anh H và chị K nhưng khi đã lập vi bằng mua bán thì đã chuyển nhượng lại hợp đồng hợp tác với Công ty Mai L Đ sang cho anh L theo giấy chuyển nhượng ngày 01/11/2018 được ký giữa chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ với anh L, chị K và anh H và theo thường niên ngày 25 đến ngày 27 hàng tháng chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ đều chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho anh L.

Theo hợp đồng vay tiền giữa Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G và chị K, anh H thì hạn chót ngày 25 hàng tháng phải thanh toán tiền gốc và lãi theo số tiền mà Ngân hàng báo tin nhắn hàng tháng, giữa anh H, chị K và anh L có vi bằng mua bán và anh L có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng vào ngày 25 hàng tháng theo tin nhắn báo của Ngân hàng vào tài khoản của anh H mở tại Ngân hàng và Ngân hàng tự động trích tiền từ tài khoản để trả nợ vay, hàng tháng anh L đều nhận tiền hợp tác kinh doanh từ Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ nhưng anh L thanh toán cho Ngân hàng không đúng hạn theo quy định.

Do anh L không thanh toán nợ tháng 9/2020, tháng 10/2020, tháng 11/2020 đã làm ảnh hưởng đến uy tín và tình hình tài chính của anh H với Ngân hàng, Ngân hàng đã ra thông báo thanh toán nợ cho anh H ngày 26/10/2020, ngày 05/11/2020, ngày 20/11/2020 và thông báo tự nguyện bàn giao tài sản cho Ngân hàng để thu giữ.

Anh H và đại diện Ngân hàng đã đến chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ để làm việc, Công ty Mai L căn cứ vào “Thông báo thanh toán nợ và yêu cầu tự nguyện bàn giao tài sản từ Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh An G” đã thanh lý hợp đồng thuê và bàn giao tài sản cho anh H. Hiện nay, chiếc xe oto anh H đang quản lý và sử dụng.

Anh H đã làm việc với đại diện Ngân hàng để anh H được giữ tài sản và cam kết trả hết nợ cho Ngân hàng.

Anh H và chị K phải đem giấy tờ nhà của anh H để vay tiền tại Ngân hàng TMCP Kiên L chi nhánh Đ (Theo hợp đồng vay số 1895/20/HĐHM) để lấy tiền trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Seabank chi nhánh An G đúng tiến độ mà anh H đã cam kết.

Ngày 05/12/2020, anh H chuyển trả số tiền 5.000.000 đồng, ngày 08/12/2020 anh H chuyển trả số tiền 302.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đông N An G và thanh lý hợp đồng vay.

Do đây là vi bằng mua bán xe và chuyển đổi quyền sử dụng và quản lý xe biển kiểm soát 66A – 057.16 và không có tranh chấp. Do anh L đã vi phạm vào thời gian thanh toán nợ và không thanh toán nợ tháng 8/2020, tháng 9/2020, tháng 10/2020, tháng 11/2020 cho Ngân hàng và làm ảnh hưởng không tốt đến uy tín, danh dự và tài chính của anh H với Ngân hàng.

Anh H, chị K không bồi thường cho anh L bất kỳ chi phí nào liên quan đến cam kết đã ký của L.

Anh H, chị K không yêu cầu chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ trả tiền quỹ số tiền là 15.000.000 đồng.

Anh H và chị K đồng ý theo yêu cầu của anh L, nếu anh L nhận lại xe thì anh H và chị K đồng ý giao xe và sang tên cho anh L nhưng anh L phải trả cho anh H và chị K số tiền 307.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 307.000.000 theo lãi suất của Ngân hàng Kiên L Bank (từ ngày 08/12/2021 đến khi xét xử xong).

Nay anh H, chị K yêu cầu anh L trả cho anh H và chị K số tiền gốc và lãi còn nợ của Ngân hàng TMCP Đông N, chi nhánh An G từ ngày 26/7/2020 đến ngày 25/8/2020 mà anh H đã trả hộ cho anh L tổng số tiền là 8.915.310 đồng.

Đồng thời, yêu cầu anh L bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín cho anh H và chị K số tiền 100.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Lệ Th trình bày: Khi Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ thông báo xe hết giấy đi đường thì con trai bà Th là Trần Tiểu L có gọi điện liên lạc với anh H để yêu cầu anh H đến Ngân hàng xin giấy phép lưu thông cho chiếc xe hai bên đã thoả thuận mua bán nhưng

anh H né tránh và không liên hệ với Ngân hàng, bà Th có liên hệ với Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ nhưng không giải quyết được. Do xe không có giấy đi đường nên ngừng hoạt động nên Trần Tiểu L mới ngừng đóng tiền cho Ngân hàng. Nay bà Th thống nhất với yêu cầu của anh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ (có chị Đặng Thị Ngọc H) trình bày:

Vào ngày 19/10/2017, Công ty Mai L, Đ và anh Kiều Lê Quốc H, chị Đoàn Thị K có ký hợp đồng thuê xe tại Văn phòng công chứng Lấp V.

Ngày 20/10/2017, hai bên có ký bổ sung thêm hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐHTKD và phụ lục đính kèm hợp đồng thuê xe tại Văn phòng Mai L, Đ.

Ngày 01/11/2018, anh H và anh L mang vi bằng số 63/2018/VB-TPLĐT, ký ngày 10/10/2018 đến Văn phòng Mai L, Đ yêu cầu chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của mình trên hợp đồng.

Ngày 21/02/2019, trong quá trình kinh doanh xe thì có xảy ra tai nạn. Mai L, Đ đã cho nhân viên lái xe số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường cho tai nạn. Sau đó, anh H nộp cho Mai L số tiền 26.000.000 đồng mà bảo hiểm đã bồi thường cho vụ tai nạn xe.

Vào ngày 20/7/2020, cán bộ điều hành xe Mai L, Đ liên tục liên lạc với anh L về việc xe sẽ hết thời hạn giấy biên nhận thế chấp Ngân hàng vào ngày 20/10/2020. Phía Mai L, Đ đề nghị cung cấp giấy biên nhận thế chấp Ngân hàng hiệu lực tiếp theo để xe đủ điều kiện tham gia giao thông nhưng đến ngày 21/7/2020 vẫn không có xe nên xe phải ngưng kinh doanh. Từ ngày 21/7/2020 cho đến ngày 01/12/2020 xe ngừng kinh doanh được đậu tại trụ sở Mai L, Đ số 024, ấp An Ng, xã An B, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Nhiều lần phía Mai L, Đ liên lạc với anh L đến làm việc nhưng bà Th không cung cấp giấy uỷ quyền của anh L cho bà Th đến làm việc cùng Mai L, Đ để giải quyết các thủ tục hoặc nhận phương tiện về tự bảo quản thì không có giấy uỷ quyền, trong khoảng thời gian từ ngày 21/7/2020 đến hết tháng 11/2020, phía bà Th thường xuyên đến Văn phòng Mai L, Đ để kiểm tra xe xem còn để tại Mai L hay đã giao cho anh H. Cũng khoảng thời gian này, mỗi lần bà Th đến đều có lời lẽ không hay và hăm dọa khởi kiện từ nhân viên đến lãnh đạo Mai L, Đ vì bà cho rằng xe không kinh doanh là mất thu nhập là lỗi do Mai L, Đ không cho xe chạy, bà Th còn cho biết nhà bà có xe tải giấy biên nhận thế chấp Ngân hàng không có vẫn chạy liên tỉnh nhận hàng hoá hàng ngày vẫn bình thường, lần nào bà Th đến Văn phòng phía lãnh đạo cũng yêu cầu bà kêu anh xuống nhận phương tiện về bảo quản vì Mai L, Đ đang thi công sửa chữa sọ xe chở vật tư ra vào quẹt vào nhưng bà Th nhất định là để lại Mai L, Đ để khởi kiện anh H và Giám đốc Mai L, Đ.

Vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 01/12/2020 Mai L, Đ nhận được thông báo số 26.11/2020/TB-S về việc anh H tự nguyện bàn giao xe cho Ngân hàng để xử

lý thu hồi nợ. Mai L, Đ đã tiến hành bàn giao xe phương tiện và các giấy tờ liên quan đến phương tiện xe.

Lúc 10 giờ 30 phút, Mai L, Đ bàn giao phương tiện cho anh H dưới sự chứng kiến và xác nhận của anh Nguyễn Hồ Đình Kh để anh H làm thủ tục giao cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng thừa phát lại Đ có văn bản ghi ý kiến trình bày:

Việc anh L và anh H yêu cầu huỷ Vi bằng số 63/2018/VB-TPLĐT lập ngày 10/10/2018 của Văn phòng thừa phát lại Đ đang được sử dụng trong vụ án cụ thể như sau:

- Thứ nhất: Việc lập vi bằng nêu trên của Văn phòng thừa phát lại Đ có “Phiếu yêu cầu lập vi bằng vào ngày 10/10/2018 của anh L: Theo đó, anh L yêu cầu Thừa phát lại lập vi bằng ghi nhận sự kiện hành vi sau “Ghi nhận sự kiện hành vi về việc giao nhận tiền mua bán xe ô tô”.

Xét thấy, nội dung yêu cầu vi bằng của anh L nêu trên là phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành (không thuộc các trường hợp không được phép lập vi bằng) nên Văn phòng thừa phát lại Đ đã tiến hành lập và phát hành Vi bằng số 63/2018/VB-TPLĐT. Sau khi lập và phát hành, Vi bằng đã được đăng ký tại Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp theo “Thông báo về việc đăng ký vi bằng số 45/TB-STP, ngày 11/10/2018” của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, về Luật hình thức và nội dung của Vi bằng nêu trên đã tuân thủ đúng quy định pháp luật nên phải được xem là chứng cứ và làm cơ sở để Toà án giải quyết vụ án theo Bộ luật dân sự năm 2015.

- Thứ hai: Ngoài nội dung mà Thừa phát lại ghi nhận thể hiện trong Vi bằng nêu trên thì vi bằng này còn kèm theo các tài liệu, chứng cứ khác như: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký ô tô, giấy biên nhận thể chấp, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông, văn bản thoả thuận của các đương sự (kèm theo vi bằng).

Đây là các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp cho Thừa phát lại tồn tại độc lập, khách quan với nội dung vi bằng và có đầy đủ các thuộc tính của chứng cứ cho nên phải được xem là chứng cứ và được Toà án xem xét làm cơ sở để Toà án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Thứ ba: Việc anh Long và anh H có yêu cầu huỷ Vi bằng số 63/2018/VB-TPLĐT lập ngày 10/10/2018 của Văn phòng thừa phát lại Đ đồng nghĩa với việc yêu cầu huỷ chứng cứ đã tồn tại một cách độc lập khách quan là không có cơ sở pháp lý lẫn thực tiễn xét xử. Bởi theo quy định pháp luật hiện hành thì không có quy định nào quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền huỷ vi bằng hay huỷ chứng cứ (mà chỉ có quy định huỷ giao dịch, hợp đồng hay huỷ các loại văn bản, giấy tờ do tổ chức, cơ quan Nhà nước đã cấp mà có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền huỷ các loại văn bản, giấy tờ đó theo quy định). Theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu, chứng cứ nêu trên

do Tòa án xem xét, đánh giá về giá trị pháp lý và chấp nhận hay không chấp nhận làm chứng cứ trong vụ án giữa các bên nêu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Bảo Việt Đ có văn bản ghi ý kiến như sau:

Vào ngày 17/6/2019, Bảo Việt Đ có bồi thường bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại người thứ ba cho anh H là người đứng tên chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát số 66A-057.16, số tiền là 26.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản.

Nay Công ty Bảo Việt Đ đề nghị không tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

- Đối với yêu cầu của anh L yêu cầu anh H và chị K liên đới trả số tiền 305.806.000 đồng là có căn cứ chấp nhận một phần nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh L, buộc anh H và chị K liên đới trả cho anh H số tiền 240.453.000 đồng.0

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu của anh L, yêu cầu anh H và chị K liên đới trả số tiền mặt 29.800.000 đồng, tiền thuê xe tháng 10/2018 số tiền 9.553.000 đồng và số tiền Công ty Bảo hiểm bồi thường tai nạn số tiền là 26.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu đối với số tiền 8.915.310 đồng, buộc anh L phải trả cho anh H và chị K số tiền lãi là 3.013.338 đồng.

Đối với yêu cầu buộc anh L bồi thường tổn thất về danh dự, uy tín số tiền là 100.000.000 đồng là không có cơ sở nên Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của anh Trần Tiểu L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán và bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Kiều Lê Quốc H và chị Đoàn Thị K có địa chỉ tại Số nhà Số 214, tổ 19, ấp 01, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng

Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vào tháng 9/2018, anh L thoả thuận mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, màu bạc, số máy 2NRX 209788, số khung 9F32 H5023126, biển kiểm soát 66A057.16, loại 05 chỗ ngồi, số máy VIOSE do anh Kiều Lê Quốc H đứng tên với giá 476.000.000 đồng. Giấy phép đăng ký xe do anh H đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G. Đồng thời, chiếc xe oto đang được anh H, chị K cho Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Mai L, Đ thuê, thời hạn thuê là 84 tháng để chạy taxi mang thương hiệu Mai L.

Việc mua bán chỉ thoả thuận miệng, đến cuối tháng 9/2018, anh H đồng ý chuyển nhượng lại cho anh L toàn bộ quyền sở hữu và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 082/HĐHTKD, phụ lục hợp đồng ngày 19/10/2017 giữa Công ty Mai L và anh H cùng các quyền và nghĩa vụ để anh L là chủ sở hữu đối với chiếc xe.

Đến ngày 10/10/2018, hai bên đến Văn phòng thừa phát lại Đ tiến hành lập vi bằng số 63/2018/VB-TPL.ĐT, người yêu cầu lập vi bằng là anh L, người tham gia là anh H và chị K. Cùng ngày lập vi bằng, anh L giao trước cho anh H, chị K số tiền 30.000.000 đồng, 20 ngày sau anh L trả tiếp số tiền 30.000.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 25/10/2018, anh L trả góp cho Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G cho đến ngày 10/10/2024 hết tiền nợ 416.000.000 đồng. Sau khi trả hết nợ bên bán có trách nhiệm lấy giấy chứng nhận đăng ký xe oto bản chính tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G để lập thủ tục sang tên cho bên mua là anh Trần Tiểu L. Hiện nay, chiếc xe oto anh H đang quản lý và sử dụng.

Nay anh L yêu cầu anh H và chị K liên đới trả lại số tiền 305.806.000 đồng (bao gồm tiền chuyển trả mua xe số tiền 270.253.000 đồng, tiền thuê xe số tiền 9.553.000 đồng của tháng 10/2018 và tiền Công ty bảo việt bồi thường tai nạn là 26.000.000 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy, Anh L và anh H, chị K đã xác lập giao dịch mua bán xe oto hiệu TOYOTA màu bạc, biển kiểm soát 66A - 057.16 được thể hiện theo Vi bằng ngày 10/10/2018 tại Văn phòng thừa phát lại Đ. Tuy nhiên, tại thời điểm hai bên thoả thuận mua bán xe thì anh H, chị K đang thế chấp chiếc xe tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G. Anh L có trách nhiệm trả tiền hàng tháng cho Ngân hàng, việc mua bán xe giữa anh L và anh H, chị K Ngân hàng đã có văn bản trả lời không biết việc mua bán xe giữa anh L và anh H, chị K. Đồng thời, các bên cũng không đến Ngân hàng để thoả thuận về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Anh H đã thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ và hiện nay chiếc xe oto TOYOTA, màu bạc, biển kiểm soát 66A057.16 anh H đang quản lý và sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch mua bán xe oto hiệu Toyota, biển kiểm soát 66A057.16 giữa anh L và chị K, anh H được xác lập vào ngày 10/10/2018 là vô hiệu nên các bên phải hoàn trả cho nhau những gì nhận. Do đó, anh L yêu cầu anh H, chị K liên đới trả lại số tiền 305.806.000 đồng (bao gồm tiền chuyển trả mua xe số tiền 270.253.000 đồng, tiền thuê xe số tiền 9.553.000 đồng của tháng 10/2018 và tiền

Công ty Bảo Việt Đ bồi thường tai nạn là 26.000.000 đồng) là có cơ sở chấp nhận một phần gồm tiền anh Long đã chuyển khoản cho Ngân hàng TMCP Đ là 162.453.000 đồng, tiền cọc là 60.000.000 đồng, tiền bà Th (mẹ anh L) nộp tại Ngân hàng số tiền 18.000.000 đồng. Tổng số tiền là 240.453.000 đồng.

Đối với số tiền mặt 29.800.000 đồng anh L cho rằng đã đưa cho anh H, chị K vào tháng 10/2018, tháng 11/2018, tháng 12/2018 anh H không thừa nhận đã nhận số tiền này. Đồng thời, anh L cũng không có các tài liệu chứng cứ chứng minh anh L đã đưa tiền cho anh H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu này.

Đối với số tiền 9.553.000 đồng tiền thuê xe vào tháng 10/2018 thì Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 01/11/2018 anh L và anh H ký giấy chuyển nhượng quyền sở hữu chiếc xe mang biển kiểm soát 66A- 057.16 và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 082/HĐHTKD và phụ lục hợp đồng ngày 19/7/2017 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai L, Đ với anh Kiều Lê Quốc H tại Văn phòng Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai L, Đ. Theo giấy chuyển nhượng thể hiện kể từ ngày ký thì bên anh L được tiếp tục kế thừa, thừa hưởng toàn bộ quyền lợi và trách nhiệm với Mai L, Đ. Như vậy, quyền và lợi ích bắt đầu phát sinh từ tháng 11/2018.

Mặt khác, anh L không có tài liệu chứng cứ, chứng minh việc anh L và anh H, chị K đã thoả thuận với nhau về việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho anh L từ tháng 10/2018. Do đó, việc anh L yêu cầu anh H và chị K liên đới trả tiền thuê xe của tháng 10/2018 số tiền 9.553.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền 26.000.000 đồng tiền bảo hiểm tai nạn do Công ty Bảo V, Đ bồi thường tiền bảo hiểm tai nạn xe đối với chiếc xe hiệu TOYOTA biển kiểm soát 66A-057.16 cho anh Kiều Lê Quốc H vào ngày 17/6/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 21/02/2019, anh Hồ Nhật L điều khiển chiếc xe biển kiểm soát 66A-057.16 đã gây tai nạn vào ngày 18/6/2019 được Công ty Bảo V, Đ bồi thường cho anh H, anh H đã bàn giao cho Chi nhánh Công ty cổ phần tập Đoàn Mai L, Đ toàn bộ số tiền mà anh H đã nhận từ Công ty Bảo V, Đ cho Chi nhánh Công ty cổ phần tập Đoàn Mai L, Đ và có biên nhận để hỗ trợ cho người gây tai nạn giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Mai L với anh Kiều Lê Quốc H vào ngày 18/6/2019. Do đó, việc anh L yêu cầu anh H, chị K liên đới trả tiền Bảo hiểm do Công ty Bảo V, Đ bồi thường số tiền 26.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn:

Chị K và anh H yêu cầu anh L trả cho anh H và chị K số tiền gốc và lãi còn nợ của Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G từ ngày 26/7/2020 đến ngày 25/8/2020 mà anh H đã trả hộ cho anh L tổng số tiền là 8.915.310 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình thực hiện thoả thuận mua bán chiếc xe hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 66A- 057.16 thì anh L có vi phạm thời hạn trả nợ, anh L thực hiện trả nợ từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2020 thì anh L ngừng trả nợ, anh L cho rằng do xe hết hạn giấy lưu thông, anh L có liên lạc với

anh H liên hệ Ngân hàng để xin giấy phép nhưng không liên lạc được với anh H nên xe ngừng kinh doanh từ thời gian này. Việc anh H, chị K yêu cầu anh L trả tiền gốc và tiền lãi từ ngày 26/7/2020 đến ngày 25/8/2020 mà anh H đã trả hộ cho anh L là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ vào tháng 7/2020 bà Th mẹ anh L đã nộp 02 lần tiền mặt tổng số tiền là 18.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G vào ngày 13/7/2020 và ngày 31/7/2020. Do đó, sẽ được trừ sang số tiền đóng vào tháng 8/2020.

Đối với số tiền trả tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh An G vào tháng 9, 10, 11/2020 anh H, chị K không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu anh L bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín cho anh H và chị K số tiền 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, anh H và chị K không có tài liệu, chứng cứ chứng việc anh L không trả tiền cho Ngân hàng đã làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của anh H và chị K nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Do hai bên không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Về ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh L là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh H, chị K về tiền lãi là 3.013.338 đồng là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh H và chị K về yêu cầu tổn thất về danh dự, uy tín số tiền là 100.000.000 đồng là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu về bồi thường danh dự, uy tín.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, khoản 6 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 ; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 121, 122, 123, 131, 133, 422, 427, 428, 429 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố giao dịch giữa anh Trần Tiểu L và anh Kiều Lê Quốc H, chị Đoàn Thị K về việc mua bán chiếc xe oto hiệu Toyota, biển kiểm soát 66A 057.16 được xác lập ngày 10/10/2018 là vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Trần Tiểu L.

3. Buộc anh Kiều Lê Quốc H và chị Đoàn Thị K liên đới trả cho anh Trần Tiểu L số tiền 240.453.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn).

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh L, yêu cầu anh H và chị K liên đới trả số tiền 65.353.000 đồng (sáu mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu của anh H, chị K yêu cầu anh L trả số tiền gốc và lãi 8.915.310 đồng (tám triệu chín trăm mười lăm nghìn ba trăm mười đồng).

6. Không chấp nhận yêu cầu của anh Kiều Lê Quốc H và chị Đoàn Thị K yêu cầu anh L bồi thường danh dự, uy tín số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Tiểu L phải chịu án phí số tiền là 3.267.650 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền anh L đã nộp số tiền 7.945.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007765, ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, anh Long được nhận lại số tiền 4.677.350 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Anh Kiều Lê Quốc H và chị Đoàn Thị K phải liên đới chịu án phí số tiền 12.768.415 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền anh H, chị K đã nộp số tiền 3.323.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007766, ngày 16/3/2021 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007767, ngày 16/3/2021. Anh H, chị K phải nộp thêm số tiền 9.445.415 đồng.

5. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Huế

